

PHẬT TỔ THỐNG KÝ

QUYỂN 41

PHẦN 8

Đời Đại Tông: (tên Dự, con cả của Túc Tông).

Năm Vĩnh Thái thứ nhất, tháng chín, việc đúc tượng Phật bằng vàng đồng đã xong. Ở tại cửa Quang Thuận, vua dẫn bá quan đến kính lễ.

Tháng mười, giặc Thổ Phồn vào bức bách Kinh sư, vua sai nội cung xuất ra hai xe Kinh Nhân Vương đưa về các chùa ở Tây Minh. Vua ban chiếu mời ngài Tam tạng Bất Không đặt một trăm cao tòa để giảng kinh. Vua đích thân ngự đến hành hương kính lễ thì giặc yên. Vua ban chiếu rằng: Nhân Vương Bảo Kinh nghĩa chuyên giữ nước, đời trước đã dịch nhưng lý chưa được viên dung. Nay bèn sắc lệnh cho Tam tạng Bất Không, Sa-môn Phi Tích, Lương Bí... ở vườn Đào phía Nam Cung Đại Minh dịch lại. Vua đích thân ngồi đọc, cho rằng lý kinh hai bản mới cũ đều phù hợp nhưng bản dịch mới văn nghĩa rất đầy đủ. Vua bèn đích thân viết lời tựa, đặc biệt thăng chức cho ngài Bất Không là Hồng Lô Khanh.

Vua ban chiếu các Sa-môn xuất gia là Tam bảo đáng kính, các Quan Ty thiên hạ không được nhục mạ Tăng Ni. Vua ban sắc thiết lập Giới Đàn Phương Đẳng tại chùa Đại Hưng Thiện, lập mười vị Đại đức lâm đàn.

Vua mộng thấy Lục Tổ xin đem y bát trở về núi, liền sai Lưu Sùng Cảnh mang y bát đưa về. Vua ra lệnh Thứ Sử Thiều Châu là Dương Hàm thiết lễ đặt thờ. Vua sắc lệnh mời một trăm Sa-môn ở nội cung hành pháp tụng niệm gọi là Nội đạo tràng ra vào cỡi ngựa, cung cấp cho mọi người ăn uống chi phí...

Ở Chương Kinh, Sa-môn Sùng Tuệ đấu pháp thắng Đạo sĩ, vua ban cho Tử y.

Vua ban sắc cho ngài Kim Cang Trí chọn hai mươi bảy Sa-môn ở

tại các Quán Đảnh đạo tràng luôn trì tụng Phật Đảnh Chú cầu nguyện cho nước. Ngài Trấn Quốc Thuần Đà Tam tạng thị tịch, thọ sáu trăm tuổi.

Năm Đại Lịch thứ nhất, vua ban sắc mời Sa-môn Lương Bí ở Đào Viên soạn sớ Nhân Vương Kinh dâng lên vua. Sa-môn Đạo Tuân ở núi Chi Hình tại Cô Tô (là đệ tử ngài Tả Khê) lập Pháp Hoa Kinh Viện, cử mười bốn vị cao hạnh luôn trì tụng kinh Pháp Hoa suốt ngày đêm (đêm vẫn đốt đuốc tụng) để phô bày tiếng từ bi của Đấng Đại Hùng. Quận Thứ Sử là Vi Nguyên Phủ, Thượng Thư Lưu Yển tâu vua ban cho tên Pháp Hoa đạo tràng. Do đó từ Giang nam lên Giang đông có cả thảy 17 Kinh Viện đều theo phép của Sư. Ở Vệ Châu có quan Biệt Giá Chú Bá Đạt thường trì tụng kinh Kim Cang. Bỗng thấy trong ánh sáng có vị Phạm Tăng tự xưng là Tu Bồ-đề bảo rằng: Người tụng kinh đã nhiều năm tại sao không bỏ việc ăn cá thịt? Bá Đạt kính sợ liền ăn rau dưa và càng chuyên cần tụng niệm, nên thấy được điềm lành nhiều lần.

Năm Đại Lịch thứ hai, vua ban chiếu cho Phụ Tướng đại thần bắt đầu lập Công Đức Viện. Đỗ Hồng Tiệm lúc xưa cai trị Ba Thục, sai Sứ đến Cửu Nhai thỉnh ngài Vô Trụ Thiên sư vào thành để hỏi đạo. Ngài nói: “Thấy mọi việc đều như như.” Hồng Tiệm do đó chú tâm vào Thiên Duyệt. Buổi vắng niên vua mời vào triều làm Tướng, ông cáo bệnh rút lui. Đến ngày lâm chung ông tắm gội sai người nhà mặc triều phục, lại đắp thêm y Tăng-già-lê, cạo bỏ râu tóc, cáo biệt mọi người mà hóa. Rồi theo phép Sa-môn mà thiêu thân.

Ngài Pháp sư Pháp Chiêu ở chùa Vân Phong tại Nam nhạc, khi ăn thấy trong bát có mây ngũ sắc. Lại thấy ở cửa đá bên khe núi có chùa, bằng đề Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sau Sư cùng bạn đồng chí đến yết kiến Ngũ Đài, thì thấy lầu các cửa vàng giống y như đã thấy trong bát. Sư vào chùa đến giảng đường thấy Đức Văn-thù đang phân tòa nói pháp, chúng Bồ-tát có đến số vạn. Sư đến trước đảnh lễ thưa rằng: Tu hành đời mạt pháp lấy gì làm cốt yếu? Đức Văn-thù đáp: “Trong các môn tu hành không gì bằng niệm Phật.” Sư đảnh lễ cáo lui. Khi ngược đầu lên thì tất cả đều biến mất. Bèn ở nơi đó lập một ngôi chùa đặt hiệu là Trúc Lâm.

Năm Đại Lịch thứ ba, vua ban chiếu mời ngài Tuệ Trung Quốc Sư vào nội điện rồi cho dẫn Thái Cữu Sơn Nhân ra gặp. Sư hỏi: “Ông có tài năng gì?” Sơn Nhân đáp: “Tôi biết núi, biết đất, biết chữ, giỏi tính toán”. Sư hỏi: “Chỗ Sơn Nhân ở là núi đực hay núi cái?” Sơn nhân bâng hoàng không biết đáp ra sao. Sư hỏi: “Điện vua đây đang ở trên

đất nào”. Đáp: “Xin cho đệ tử tính”. Sư hỏi: “Sư ở trên đất một ngày, đó là chữ gì?” Đáp: “Chữ Nhất”. Sư nói: “Ở trên đất một ngày há không phải chữ Vương (王) sao?” Sư hỏi: “Ba bảy là nhiều ít?” Đáp: “Là hai mươi mốt. Sư nói: “Ba bảy há không phải là chữ 十 à? Sư thưa vua rằng: “Hỏi núi không biết núi, hỏi đất không biết đất, hỏi chữ không biết chữ, hỏi tính không biết tính. Bệ hạ còn dùng gì được với người ngu này?” Vua nhìn Sơn nhân nói: “Sư là quốc bảo”. Nhân tiện vua chỉ Quan Ngự Triều Ân Sư bảo rằng: “Triều Ân cũng hiểu Phật pháp.” Triều Ân tiến lên hỏi sư rằng: “Sao gọi là Vô minh, nó từ đâu khởi?” Sư nói: “Suy tướng đã hiện bày là kẻ nô tỳ mà hỏi Phật pháp!” Triều Ân cả giận. Sư nói: “Chính đây là Vô minh, Vô minh từ đây khởi.” Sau triều đình có việc quyết đoán có thể ông không được dự vào. Ông nổi giận bảo: “Việc thiên hạ có việc nào chẳng do tôi đâu!” Vua nghe lời ấy không vui trách là có ý đồ khác bèn cho thắt cổ mà giết đi.

Vua ban chiếu mời Pháp Khâm Thiền sư ở Kính Sơn vào triều yết kiến, vua kính sư làm thầy. Có lần ở nội điện thấy vua đến Sư bèn đứng dậy. Vua bảo: “Sư cần gì phải đứng dậy”. Sư nói: “Đàn Việt đâu nên vì bốn oai đức nghi mà thấy Bần Đạo!” Vua mừng rỡ. Tất cả đồ vua ban, Sư không nhận một món nào, chỉ áo vải thô một bình bát sành cùng đệ tử hằng ngày đi khát thực. Tướng Quốc Dương Oản khen rằng: “Đúng là Chân Phương Ngoại Sĩ”. Bình Chương Thôi Hoán hỏi Sư: “Đệ tử có thể xuất gia được chăng?” Sư đáp: “Xuất gia là việc của bậc Đại Trượng phu, đâu phải là việc làm của Tướng quân?” Tấn Công Bùi Độ... hơn ba mươi người đều đến hỏi đạo làm học trò. Sau Sư xin trở về núi, vua ban hiệu là Quốc Nhất Thiền Sư. Vua ra sắc lệnh Quan Thú Hàng Châu xây cất lại các chùa chiền trong núi. Trưởng Quan là Nguyệt Chí Hầu đến hỏi: Ngày xưa Sư nương theo Tổ Thiền Sư, Tổ khuyên Sư rằng: “Ông nên theo dòng mà đi gặp đường tắt (kính) thì dừng.” Sư bèn đi về hướng Nam đến Lâm An. Thấy một núi ở hướng Đông bắc gặp một tiểu phu, Sư hỏi tên đất, đáp là Kính Sơn. Sư bèn dừng tích trượng ở đấy (Sư là đời thứ bảy dòng Tứ Tổ).

Tháng bảy, vua ban chiếu lập hội Vu Lan Bồn, thiết lập tòa Thất Miếu Thần ở dưới Cao Tổ. Từ Thái Miếu rước về Nội đạo tràng, đầy đủ hương hoa kèn trống, đi qua các đường phố. Bá quan đón rước kính lễ. Đó là lệ thường hàng năm. Sáng hôm sau có cỏ Linh chi mọc ra ở nhà thứ hai của Thái Miếu.

Vua ban chiếu mời Sa-môn Pháp Chiếu ở Nam nhạc làm Quốc Sư. Sư nói: “Ngài Nam Nhạc Thừa Viễn có đức lạ”, Vua bèn quay về

hướng Nam kính lễ. Người được độ đồng không kể xiết nên chỗ ở của ngài được gọi là Ban Chu đạo tràng để tôn vinh ngài (Liễu Văn).

Ngài Kinh Khê Thiên sư ở Phật lũng tại Thiên thai truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho Đạo Thúc Pháp sư. Vua ra sắc lệnh nên lập chùa Đại Vân Quang Minh để thờ Mạt-ni của Hội Hột dâng lên.

Năm Đại Lịch thứ tư, vua lập đạo tràng ở cung Đại Minh, cảm được Phật phóng quang chiếu sáng, các vương hầu công chúa, các quan hầu cận đều thấy ánh sáng từ giờ Tý nửa đêm đến gà gáy. Tể Tướng Bùi Thố dâng biểu mừng khen.

Năm thứ năm, thấy sao chổi ở phương Đông, vua ban chiếu mời ngài tam Tạng Bất Không hành pháp thì sao biến mất. Lúc đó từ mùa Xuân đến mùa hạ không mưa, vua ban chiếu lập Đàn cầu đảo, mới hai ngày thì mưa lớn khắp nơi. Vua ban chiếu cho Sa-môn Tự Giác ở Bình Sơn giảng kinh cho quý thần. Lúc đó Dương Dương Tiết Độ Sứ là Trương Chiêu đích thân vào núi thỉnh Sư rằng: Chiêu tôi vốn không có thuật cai trị, suốt ba năm ở Hàng Dương dẫn đến những lỗi lầm vô ích. Nay nghe Long Thần nghe Sư giảng kinh mà quên làm mưa. Xin Sư khởi lòng Đại Từ Bi.” Sư đốt hương hướng về các đằm động xa mà chú nguyện. Khoảng khắc mây vẫn vũ rồi mưa ào xuống khắp nơi. Năm ấy trúng mùa.

Năm Đại Lịch thứ sáu, Thứ Sử Từ Châu là Lý Ấu Hương tâu vua Sa-môn Pháp Sâm ở núi Lang Gia lập chùa, rồi vẽ hình dâng lên vua. Trước đó một đêm vua nằm mộng thấy đạo chơi chùa trong núi. Khi xem hình vẽ thì đúng y ngôi chùa thấy trong mộng bèn ban tên là chùa Bảo Ứng.

Giống Hội Hột xin ở các Châu Kinh Dương, Hồng Việt được lập chùa Đại Vân Quang Minh, tìn đồ của họ mặc áo trắng, đội mũ trắng.

Năm thứ tám, vua ban sắc các chú tiểu trong thiên hạ phải khảo hạch ba thứ Kinh, Luật, Luận mới cấp cho Điệp độ.

Năm thứ chín, vua mộng thấy ở núi Ngưu Thủ tại Kiến Khang có Bích-chi-phật đến gặp. Bèn ban sắc cho Thái tử Chiêm Sự Cổ Tiên ở trong núi xây tháp bảy tầng. Tháng sáu, ngài Tam tạng Bất Không cáo bệnh, vua ban chiếu thăng chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Tư, phong làm Túc Quốc Công và thực ấp là ba ngàn hộ. Khi ngài thị tịch vua bãi triều ba ngày, ban cho chức Tế Tạng Tư Không, thụy phong là Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam tạng.

Năm thứ mười, vua ban sắc lập tháp ngài Bất Không Tam tạng tại chùa Đại Hưng Thiện.

Năm thứ mười một, vua ban sắc hỏi Tam Cang Lão Túc (Chủ Chùa, Tri Sự, Duy Na là Tam Cang): “Ở chùa Sùng Phước nghe Văn Cang Luật Sư đã thân truyền cho Tiên Sư Tuyên Luật Sư rằng và xá-lợi Phật Thích-ca. Vậy phải đến Hữu Ngân Đài Môn dâng lên để thỏa lòng trầm chiêm lễ”.

Năm thứ mười hai, ở phía Tây sông Hoài có Binh Mã Sư là Lý Trọng Tinh bỏ nhà sửa làm Phật Kinh Phường, vua ban cho tên là Bảo Ứng Nhất Thiết Kinh Phường.

Năm thứ mười ba, vua ban chiếu mời Lương Nhai Lâm Đan Đại Đức Viên Chiếu... mười bốn vị tập họp ở chùa An quốc định lại hai lời Sớ mới cũ Tứ Phần Luật, kiểm định sửa thành một bản.

Năm thứ mười bốn, ngài Tăng-già Đại sư ở Tứ Châu bồng hiện hình ở Cấm Cung bảo vua rằng: Châu Tương (tức Thái Thú kiêm luôn chức binh) khiến chùa Phổ Quang Vương xuất tiền cung cấp cho mười người Dịch Thừa Truyền xin miễn dịch này. Vua liền sai Sứ truyền chỉ. Rồi ban cho Sư lụa màu và gáo tắm bằng vàng và sắc lệnh vẽ chân dung Sư đưa vào nội cung để cúng dường.

Tháng năm vua băng hà. Thái tử lên nối ngôi và ban chiếu rằng từ nay không được lập Chùa, Quán và xin độ Tăng Ni nữa.

Đời Đức Tông: (tên Tạo, con của Đại Tông)

Năm Kiến Trung thứ nhất, Sa-môn Viên Chiếu dâng lên vua bản Tân Định Tứ Phần Luật Sớ. Vua ra sắc ban cho Sư Tử Y và sung làm Cung Phụng Kiểm Hiệu Hồng Lô Khanh, có thực ấp ba trăm hộ.

Năm Kiến Trung thứ hai, Rợ Thổ Phồn sai Sứ xin triều đình ban cho Sa-môn giảng nói giỏi Phật lý. Vua bèn sai Lương Tú Văn Tố đến thuyết pháp giáo hóa mỗi năm một lần.

Ở Tứ Minh, Vô Sinh Cư sĩ là Hồ U Trinh sửa Hoa Nghiêm Cảm Ứng Truyện một quyển, có chép đủ các niên đại về truyền Kinh nói ngài Long Thọ truyền bản Hạ ở Long cung có mười vạn bài kệ. Nay ở Đông độ dịch thành tám mươi quyển thì chỉ có bốn vạn rưỡi bài kệ, ngoài ra còn giấu ở Thiên Trúc. Nên nay phát nguyện cần cầu xin được bản kinh đó có đầy đủ các kệ để lưu truyền ở cõi này.

Nam Nghiêm Thảo Y Thiền sư ở Tín Châu, tọa thiền suốt ba mươi năm, chân không hề đạp đất, miệng chưa hề nếm vị, vạn hữu rộn rịp thân này không động. Quan Thị Lang Quyên Đức Dư ghi rằng: Xưa gọi là bồ vật lánh người mà đứng riêng vậy. Lại đâu biết được hiện ngôi yên ở đây mà đang thuyết pháp ở phương khác ư?

Năm thứ ba, vua ban sắc lệnh cho Tăng Ni có việc thì ngưỡng cầu ở Tam tạng xử đoán. Ở Châu Huyện thì nạp Độ Điệp cho Thân Châu, ở Kinh Thành thì nạp cáo trạng cho Tự Bộ.

Năm Hưng Nguyên thứ nhất, vua ra sắc lệnh tiền của Tăng Ni đã chết xưa thuộc trong chùa, sau khi lo việc tống táng xong lấy phần còn lại đem chia cho chúng. Gần đây nhân có việc quan thu lấy của cải đó và gây nhiều hại, nên nay đình chỉ việc nộp cho quan mà chỉ thông báo cho Tam Cạng biết, rồi căn cứ vào Luật mà phân chia tiền của (Nam Sơn Sư Sao Y Pháp Thiên - và Vong Ngũ Chúng Khinh Trọng Nghi thuật rõ về phép phân chia tiền của).

Ở Tinh Châu, Pháp sư Pháp Chiếu làm năm Hội dạy người niệm Phật. Vua ở trong cung thường nghe phía Đông bắc có tiếng niệm Phật, sai Sứ tìm đến Thái Nguyên, thì thấy Sư đang khuyến hóa rất đông đảo. Bèn đón Sư về cung cấm dạy người trong cung niệm Phật, cũng đủ năm Hội.

Năm Hưng Nguyên thứ ba, Hàn lâm học sĩ Lương Túc học giáo Thiên thai với ngài Tả Khê Thiên sư mà ngộ được tâm yếu. Vì văn nghĩa Chỉ Quán đem hồng truyền quá dài khiến người xem phải tốn nhiều thì giờ, bèn san định lại còn sáu quyển để lưu hành trên đời. Lại Bộ Lang Trung Lý Hoa từng theo ngài Kinh Khê học Chỉ Quán. Ngài Kinh Khê đã soạn cho ông một thiên Chỉ Quán Đại ý bao quát hết Đại Bộ như chỉ trong bàn tay. Lúc đó các Sĩ Phu đồng học là Tán Kỵ Thường Thị Thôi Cung, Giác Nghị Đại Phu Điền Đôn... đều học Chỉ Quán với ngài Kinh Khê.

Lương Túc ghi rằng: Ở Tấn Lăng có hai người con gái họ Huỳnh, thuở nhỏ nghe người tụng Pháp Hoa. Khi nghe thì bảo: “Tôi hiểu nghĩa này”. Khi khảo sát bảo nói, thì các cô nói được ý chỉ của thật tướng rất sâu sắc. Sau hai cô vào làm Ni ở chùa An quốc tại Kinh Sư. Cô chị tên Trì Pháp, cô em tên Tuệ Nhẫn, cùng tu Pháp Hoa Tam-muội. Bỗng có Ni Sư hiệu Không Cô, dáng mạo lời nói rất lạ đến cùng ở nhờ. Nửa đêm thì thân hình Ni Sư phát sáng rực rỡ. Như thế suốt ba năm rồi bỏ đi. Có người hỏi, hai ni cô chỉ cười không đáp. Người ta bảo Ni Sư kia là Đức Phổ Hiền.

Năm Trinh Nguyên thứ nhất, Vi Cao làm Tây Xuyên Tiết Độ Sứ. Khi xưa lúc Cao mới sinh được một tháng, có vị Phạm Tăng đến gặp bảo: Cách biệt đã lâu mà không sao chứ? Thì cậu bé cười. Chúng hỏi duyên cớ, vị Tăng đáp: “Đây là hậu thân của Gia Cát Võ Hầu. Ông ta sau này sẽ cai trị ở Thục, rồi sẽ có ứng nghiệm”. Cao ở tại Thục hai

mười một năm có công trạng oanh liệt nhất ở Tây nam.

Năm Trinh Nguyên thứ ba, Doãn Vũ Văn Huyền ở Kinh Triệu tâu vua xin lấy đồ các chùa hư ở thôn xóm để cất các học xá. Vua ban sắc rằng: Cung thờ Phật đổi làm Quán Nho, đây sẽ dần dần xâm hủy Tam bảo, tội này khó thể tha thứ được. Huyền sợ, ngay ngày ấy tự trả về.

Lý Bí được phong Trung Thư Thị Lang Đồng Bình Chương Sự. Khi xưa, Minh Thế Thiên sư ở Thượng Phong Nam nhạc, người gọi là Lại Tàn. Lý Bí đến gặp, nghe tiếng tụng kinh trước thì giọng bi thương sau thì vui vẻ, biết đó là là Bạc Ẩn Sĩ, đứng chờ hồi lâu. Sư Minh Thế cời lửa lấy khoai lùi ra ăn bảo rằng: “Ông làm việc mười năm đến chức Tế Tướng. Bí đem việc tâu vua đó là bạc Cao hạnh. Vua ban chiếu mời về làm quan. Sư giả đến hang đá Tuyên Ma thì thấy Thế Sư đã ngồi tịch trên đá, hai giọt nước mắt còn đọng trên má. Nên Sư giả bỏ qua việc trên trở về tâu, vua càng quý kính.

Năm thứ tư, ở Giang Tây ngài Mã Tổ Đạo Nhất Thiên sư viên tịch, Sư đặc pháp với ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng Thiên Sư. Đến đời thứ năm sau Sư thì chia làm hai phái là Quy Ngưỡng và Lâm Tế.

Năm thứ tư, vua ban sắc lệnh: Phật Lão hai giáo giúp ích quần sinh Chùa Quán và nơi kinh hành đều là chốn tôn nghiêm sạch đẹp. Từ nay về sau Chùa Quán không được dung chứa khách ngoài đến trú ngụ, những chỗ hư dột tùy nghi sửa sang.

Năm thứ sáu, tháng giêng, vua ban chiếu đón cốt Phật Thích-ca (xá-lợi Phật) ở chùa Phụng tượng Pháp Môn vào cung cấm cúng dường, rồi đem đến các chùa để mọi người chiêm lễ, tháng hai đón cốt Phật trở về chùa.

Ngài Thạch Đầu Hy Thiên Thiên sư ở Hành Sơn viên tịch, Sư đặc pháp với ngài Thanh Nguyên Tư Thiên Sư. Sau đó phái này chia làm ba chi, tức đời thứ năm là Động Sơn, đời thứ bảy là Vân Môn, đời thứ chín là Pháp Nhãn.

Năm Trinh Nguyên thứ mười, vua ra sắc cho Thứ Sử Vu Dịch ở Hồ Châu dâng lên Trữ Sơn Thi Tập của Sa-môn Kiểu Nhiên cất giữ ở Ngự Thư điện.

Ngài Thúy Pháp sư ở chùa Quốc Thanh truyền pháp Môn Chỉ Quán cho ngài Quảng Tu Pháp sư.

Năm Trinh Nguyên thứ mười một, tháng mười một, vua Sư Tử nước Ô Đồ ở Nam Thiên Trúc cống hiến Kinh Hoa Nghiêm và dâng biểu... Vua Sư Tử chính tay viết Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên “dâng lên Đại Cát Tường Thiên tử nước Ma-ha Chi Na Đại Đường, nguyện

sớm gặp Đức Từ Thị Như Lai trong hội Long Hoa, nhờ có trí Túc mạng khi vừa thấy liền biết, đồng được Phật thọ ký.” Tháng tư nhằm tiết Phật đản, vua ban chiếu mời ngài Trừng Quán Pháp sư vào nội điện giảng kinh. Sư dùng Diệu Pháp làm trong mát lòng vua nên được ban hiệu là Thanh Lương Pháp sư Giáo Thọ Hòa thượng.

Năm thứ mười hai, tháng giêng, vua sắc lệnh cho Hoàng Thái tử tập họp các Thiên sư ở Nội điện, định rõ về việc truyền pháp dòng chánh dòng phụ. Tháng tư nhân tiết Phật đản, vua ngự ở điện Lâm Đức ra sắc cho Cấp Sự Trung Từ Đại... cùng Sa-môn Đàm Diên, Đạo sĩ Cát Tham Thành giảng luận về Tam Giáo. Vua ban chiếu mời Tam tạng Bát-nhã ở nước Kế Tân đến ở chùa Sùng Phước tại Trường an, dịch kinh Hoa Nghiêm do nước Ô Đồ dâng tặng. Các vị Viên Chiếu, Giám Hư, Linh Thúy, Trừng Quán... nhuận văn và chứng nghĩa. Vua đích thân vào Trường Dịch để sửa đúng văn nghĩa, khiến Tả Hữu Nhai Công Đức Sư Hoắc Tiên Ô Đậu Văn Trường chuyên việc giám hộ.

Năm thứ mười ba, vua ra sắc mời Sa-môn Đoan Phủ vào nội điện cùng Nho và Lão luận nghị và ban Tử Y cho Sư, lại khiến chăm lo Hoàng Thái tử ở Đông Triều. Thuận Đế kính Sư như anh.

Tả Nhai Công Đức Sư là Đậu Văn Trường tâu vua: Tiên Sư Sở Kim ở Thiên Bảo, khi xưa vì nước mà xây tháp, lập Pháp Hoa đạo tràng, khiến tiếng kinh dẫn chúng không dứt suốt hơn sáu mươi năm, nay xin được ban thêm cờ xí để tôn vinh. Vua sắc thụ phong là Đại Viên Pháp sư.

Năm thứ mười bốn, tháng hai, các ngài Tam tạng Bát-nhã, Pháp sư Trừng Quán... dâng lên vua bản kinh Hoa Nghiêm mới dịch bốn mươi quyển (kinh này có ba bản dịch: Một bản nhà Tấn dịch sáu mươi quyển, một bản Triều Đường Võ Tắc Thiên dịch tám mươi quyển, nay Tống Triều Đức Tông dịch bốn mươi quyển và một quyển Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện).

Năm thứ mười lăm, tháng bảy, vua đến chùa An quốc thiết lễ cúng Vu Lan Bồn, các quan Tế Phụ cùng theo.

Năm thứ hai mươi, nước Nhật Bản sai sứ đến triều cống, Học giả Quất Dật Thế, Sa-môn Không Hải vào Trung Quốc học Bí Mật Giáo với Tuệ Quả là đệ tử ngài Bất Không.

Năm thứ hai mươi một, ngày ba tháng mười, Sa-môn Thiếu Khang ở Tân Định phóng quang mà tịch. Khi xưa, sư đến chùa Bạch mã ở Lạc Hạ, thấy văn thư trong nội điện phóng quang bèn đỡ ra xem thì đó là quyển Tây phương Lễ Văn của Thiện Đạo Hòa thượng. Bèn đến chùa

Phóng Quang ở Trường an tại Ảnh Đường mà thiết đại trai cúng dường. Bỗng thấy di tượng của Hòa thượng Thiện Đạo bay lên hư không bảo rằng: “Người thờ giáo ta đem lợi lạc quần sinh, do công lao đó chắc chắn người sẽ sinh An Dưỡng.” Khi Sư đi về phía Nam đến Giang lăng, giữa đường gặp một vị Tăng bảo rằng: “Ông muốn dạy người hãy đến Tân Định” (nay là Nghiêm Châu). Nói xong liền ẩn mất. Sư bèn đến Quận xin tiền, dụ trẻ con niệm Phật. Hơn một tháng, trẻ con niệm Phật xin tiền rất đông. Như thế một năm thì bất luận lớn bé sang hèn thấy Sư đều niệm A-di-đà Phật. Sư bèn lập đạo tràng tập hợp chúng lên tòa lớn tiếng niệm một tiếng Phật thì chúng thấy trong miệng Sư phóng ra một Đức Phật. Niệm mười tiếng thì có mười vị Phật nối nhau như chuỗi...

Đời Thuận Tông: (tên Tụng, con cả của Đức Tông)

Năm Vĩnh Trinh thứ nhất, vua ban chiếu mời Thiên sư Thi Lợi vào nội điện để hỏi về Thiên lý. Vua hỏi: “Chúng sinh ở đại địa vì sao được kiến tánh thành Phật?” Lợi thưa: “Phật pháp như vầng trăng trong nước, thấy mà không lấy được”. Vua rất vui (Sư đặc pháp với Thạch Đầu Thiên Sư). Sa-môn Tối Trừng ở Nhật Bản đến học với ngài Thiên Thai Thúc Pháp sư, viết hết một Tông Luận Số đem về. Đây là người truyền Thiên Thai Giáo ở Nhật Bản đầu tiên.

Đời Hiến Tông: (tên Thuần, con cả của Thuận Tông)

Năm Nguyên Hòa thứ nhất, vua ra sắc lệnh: Sa-môn Đoan Phủ làm Lục Tả Nhai Tăng Sự và coi ngó Pháp nghi ở Nội điện, Sa-môn Linh Thúc làm Lục Hữu Nhai Tăng Sự (Tăng Lục bắt đầu từ Sư Pháp Khâm đời Diêu Tần).

Vua ban chiếu mời Sa-môn Tri Huyền vào điện để hỏi đạo và ban hiệu là Ngô Đạt Quốc Sư. Hồi năm tuổi Huyền đã biết ngâm thi, xuất gia làm Sa-di, mới mười bốn tuổi giảng kinh Niết-bàn. Lý Thương Ẩn tặng thi rằng:

*Sa-di mười bốn biết giảng kinh
Tiểu trạc tuổi Sư chỉ mang bình
Sa-di nói pháp Sa-môn học
Đâu nệ tuổi cao, chỉ tánh linh.*

Rợ Hồi Hột sai Sứ cùng Ngụy Nhân Ma Ni Giáo đến triều cống.

Năm Nguyên Hòa thứ hai, vì Thổ Đột Thừa Thối làm Tả Hữu Nhai Công Đức Sứ, nên Tăng Đạo đều lệ thuộc vào (họ là Thổ Đột, tên

Thối).

Tháng ba, vua ban chiếu rằng: Nam đình Nữ công, lấy việc cày cấy, dệt vải làm gốc. Muôn dân có kẻ trốn tránh sưu dịch giả làm Tăng Ni, Đạo sĩ mà không phải thật sự xuất gia tu đạo. Quan Hữu ty Sở tại trị tội tâu lên. Vua ban chiếu mời Nga Hồ Đại Nghĩa Thiên sư vào gặp ở điện Lâm Đức, cùng các Pháp sư nghị luận, Pháp sư hỏi: “Thế nào là bốn Đế?” Sư đáp: “Thánh Thượng một đế, ba đế kia làm gì có!” Lại hỏi: “Thế nào là Thiên Đạo?” Sư lấy ngón tay điểm trên không trung. Các Pháp sư không hiểu. Vua nói: “Một điểm mà Pháp sư còn không biết thì làm sao?” Vua hỏi: “Thế nào là Phật tánh?” Sư đáp: “Không lia điều hỏi của Bộ Hạ”. Vua ngầm khế hội, Thượng Thư Lý Tường hỏi: “Đại Bi dùng ngàn tay ngàn mắt để làm gì?” Sư đáp: “Thế nay vua dùng ông làm gì?” (Sư đắc pháp với ngài Mã Tổ).

Sa-môn Tuệ Lâm ở Phủ Hà Trung có soạn bộ Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa một trăm lẻ ba quyển, đến Cung Khuyết dâng lên vua. Vua ban sắc cho nhập vào Đại Tạng và ban cho Tử Y, lụa tiền trà thuốc...

Năm thứ ba, vua ban chiếu mời Hoài Uẩn Thiên sư ở Chương Kính đến Kinh Sư, mời vào nội điện để học hỏi Thiên Pháp.

Năm Nguyên Hòa thứ tư, vua ban chiếu mời Duy Khoan Thiên sư vào gặp để hỏi Thiên yếu. Vua mời Sư ở chùa An quốc. Bạch Cư Dị hỏi: “Đã là Thiên sư sao còn nói pháp?” Sư đáp: “Vô Thượng Bồ-đề nếu trang bị cho thân thì gọi là Luật, nếu nói ở miệng thì gọi là Pháp, nếu hành ở Tâm thì gọi là Thiên. Thiên tức là Pháp, Pháp không lia Thiên.”

Vợ của Mã Lang ra ở Thiểm Hữu (Thiểm Tây). Khi xưa, đất này là nơi quen việc cỡi ngựa bắn cung, chê bai nghe từ Tam bảo. Bỗng có một cô gái trẻ đến bảo mọi người rằng: “Người nào một đêm mà thuộc lâu Phẩm Phổ Môn thì tôi xin làm vợ.” Sáng hôm sau có đến hai mươi người thuộc lâu. Nàng bèn đưa Kinh Bát-nhã, hôm sau chỉ còn mười người thuộc. Bèn đưa kinh Pháp Hoa hẹn ba ngày phải thuộc. Thì chỉ có một mình Mã Lang là thuộc. Bèn sắm đủ nghi lễ đón về. Cô vợ lấy cơ bệnh xin ở phòng khác. Khách chưa về hết thì nàng đã chết. Phút chốc thân thể sinh rả bèn đem chôn. Mấy hôm sau có vị Lão Tăng đắp Tử Y đến mộ lấy tích trượng đào thi thể lên thì thấy xương là khóa vàng, bèn bảo chúng rằng: “Đây là Thánh Phổ Hiền thương xót bọn các người chướng nặng, nên dùng phương tiện.” Rồi bay lên không mà đi mất.

Ở Ngô Quận, có Tề Quân Tá siêng học nhưng nhà rất nghèo, định đến chùa Thiên Trúc xin ăn. Đói quá không đi được nữa. Có vị Phạm

Tăng ở trước nhìn lại cười hỏi: “Pháp sư không nhớ đã giảng kinh Pháp Hoa ở chùa Đồng Đức à?” Tá nói: “Không nhớ” Vị Tăng liền lấy trong túi ra một trái táo đưa cho ăn. Tá liền sực nhớ tiền thân của mình là Tăng giảng kinh. Vị Tăng ấy bảo: “Chỉ có năm người được ta độ. Do vì người ở trên tòa cao Sư Tử đã giảng nói điều dị đoan khiến người học sinh nghi, giới hạnh thiếu sót, tư chất thô lậu, nên bị báo rõ ràng như thế.” Nói xong ẩn mất. Quân Tá bèn theo ngài Linh Ẩn mà xuất gia, đổi tên là Giám Không, lập hạnh rất cao xa.

Năm thứ năm, vua hỏi ngài Trừng Quán Pháp sư: “Sao gọi là Hoa Nghiêm Pháp Giới?” Sư đáp: “Pháp Giới là Tánh Thể của chúng sinh. Đức Thế Tôn xưng Tánh Pháp Giới, nói kinh Hoa Nghiêm, Sự và Lý dung nhau không đâu không cùng khắp”. Vua hoát nhiên liễu ngộ. Bèn ra lệnh Hữu Ty đúc ấn vàng, phong Sư làm Đại Thống Thanh Lương Quốc Sư.

Hàn lâm học sĩ Bạch Cư Dị hỏi Tâm Yếu với Ngưng Thiên sư được tám tiếng, lấy làm tám bài kệ. Đó là Giác, Quán, Định, Tuệ, Minh, Thông, Tế, Xả. Quán kệ rằng:

*Lấy mắt trong tâm
Quán tướng ngoài tâm
Do đâu mà có
Do đâu mà mất
Quán rồi lại Quán
Tất rõ chân, vọng.*

(Tám kệ thấy trong Trường Khánh tập) - Bạch Cư Dị thường ở chùa Bát Tháp đúng theo lời Phật dạy thọ giới bát quan trai chín lần.

Quy Thông Trí Thương Thiên sư đặc pháp với ngài Mã Tổ. Thứ Sử Giang châu là Lý Bột hỏi Sư rằng: “Núi Tu-di dung nạp hạt cải thì không hỏi, còn hạt cải dung nạp núi Tu-di là sao?” Sư nói: “Người ta đồn Sư quân đọc muôn quyển sách phải không?” Bột đáp: “Đúng vậy”. Sư nói: “Như từ đỉnh đầu đến gót chân của cây dừa to kia thì muôn quyển sách nằm ở đâu?” Sư dùng mắt có hai tròng, dùng tay thuốc xoa bóp thì cả hai mắt đều đỏ. Đời gọi là Quy Tông mắt đỏ.

Cư Sĩ Bàng Uẩn tham vấn ngài Mã Tổ rằng: “Không cùng muôn pháp làm bạn là người thế nào?” Tổ đáp: “Đợi ông hớp một ngụm mà hết cả nước Tây Giang thì ta sẽ nói cho ông nghe.” Sau câu nói, cư sĩ liền liễu ngộ chỗ huyền yếu. Trong năm Nguyên Hòa, ông dạo chơi về phía Bắc Tương Hán ở trong một nhà nhỏ ở phía Tây thành. Ông có cô con gái nhỏ tên Linh Chiếu chuyên làm giỏ tre đem bán để độ nhật sớm

chiều. Khi sắp tịch, ông bảo cô con gái ra xem mặt trời sớm tối, hễ đúng Ngọ thì vào báo. Cô con gái vội thưa: “Mặt trời đã đúng Ngọ nhưng bị nhật thực”. Cư sĩ ra cửa xem. Cô gái liền lên ghế cha ngồi chấp tay mà hóa. Cư sĩ trở vào cười bảo: “Con gái ta quá lanh lợi.” Rồi ông nán lại bảy ngày. Quan Châu Mục Vu Địch đi thăm bệnh. Cư sĩ bảo: “Chỉ xin rỗng không các cái có, chứ đừng xem có các cái không!” Nói xong ngã đầu vào gối của ông mà hóa.

Vua ban sắc cho Giác Nghị Mạnh Giản và Bồ Khuyết Tiêu Dật cùng ở chùa Lễ Tuyên mà giám hộ việc dịch kinh và nhuận văn.

Ngài Vô Trước Thiền sư vào núi Ngũ Đài xin gặp Đức Văn-thù. Khi đến Hang Kim Cang gặp một lão ông dắt trâu đến bên khe núi. Sư thưa: “Xin được gặp Đại sĩ” Ông lão dắt trâu trở về. Sư đi theo vào một ngôi chùa, ông Lão gọi Quân Đề, thì có một đồng tử ra đón. Ông Lão dẫn Sư vào ngồi ở nhà trên, đồng tử dâng chén đồi mỗi hai người cùng đối ẩm tô lạc. Khoảnh khắc cảm thấy tâm thần sáng láng. Ông lão hỏi: “Gần đây từ đâu tới?” Sư đáp: “Ở phương Nam”. Ông lão nói: “Ở phương Nam Phật pháp trụ trì như thế nào?” Sư đáp: “Đời mặt pháp các Tỳ-kheo ít người giữ gìn giới luật”. Ông lão hỏi: “Chúng nhiều ít?” Sư thưa: “Hoặc ba trăm hoặc năm trăm”. Sư hỏi: “Ở đây Phật pháp trụ trì như thế nào?” Ông lão đáp: “Rong rã lẫn lộn, Phạm Thánh cùng ở chung”. Sư hỏi: “Chúng bao nhiêu”. Ông lão đáp: “Trước ba mươi ba sau ba mươi ba”. Trời tối liền gọi đồng tử dắt Sư trở ra, Sư hỏi đồng tử: “Đây là chùa gì?” Đáp: “chùa Bát-nhã”. Sư Vô Trước bỗng tự cảm biết ông lão là Đức Văn-thù, liền cúi đầu dưới chân Đồng Tử xin dạy cho một lời. Đồng Tử ẩn mình mà ca rằng:

*Trên mặt không sân: Chân cúng dường
Trong miệng không sân: Nhã diệu hương
Trong tâm không sân là trân bảo
Không cấu không nhiễm tức chân thường!*

Nhân đó Sư Vô Trước tạm dừng tích trượng ở Ngũ Đài. Sau có nhiều lần hội ngộ với Đức Văn-thù (Trong Biệt Văn ghi ông lão nói kệ đại ý rằng: Một niệm tịnh tâm là Bồ-đề, hơn cả tạo hằng sa tháp bảy báu, bảo tháp cuối cùng sẽ hóa thành bụi, nhất niệm tịnh tâm thì thành Chánh giác).

Năm Nguyên Hòa thứ sáu, ngài Tam tạng Bát-nhã dịch kinh Bản Sinh Tâm Địa, Giác Nghị Đại Phu Mạnh Giản nhuận văn, vua đích thân viết lời tựa.

Năm thứ chín, ngài Bách Trượng Hoài Hải Thiền sư viên tịch,

ngài đắc pháp với Mã Tổ. Từ ngày Tổ Đạt-ma ở Thiếu Lâm đến nay đều ở chùa Luật mà nói pháp, Sư là người đầu tiên ở chùa Thiền mà nói pháp. Trưởng Lão lên nhà giảng thăng tòa, chủ khách hỏi đáp, hăng hái trình bày Tông yếu. Người học theo hạ lạp thứ lớp vào Tăng đường, bày các ghế dài, các giá máng mắc đạo cụ, lập mười vụ liêu xá để làm việc chúng. Đời sau theo đó mà mở rộng ra gọi là Thiền Viện Thanh Quy.

Pháp sư Trí Biện viết nhiều tác phẩm, nhưng người nghe quá ít, nhân đó bỏ giảng đường trở về chùa ở Hành Nhạc. Một hôm có bậc kỳ lão đến xem các trước thuật của Sư bảo rằng: “Những trước thuật của ông chỉ phù hợp ý Phật mà thiếu duyên Người. Nên đem thức ăn mà thí cho loài cầm thú. Khoảng hai mươi năm sau chúng sẽ tự tập hợp đến.” Biện bèn đem bán y phục đổi gạo, mỗi ngày nấu cơm rải ngoài đồng trống, chiêu dụ đám chim tụ tập. Biện khẩn rằng: “Ăn cơm ta xin làm bạn Pháp với ta”. Hai mươi năm sau Biện đến Nghiệp Thành khai giảng, dưới tòa có cả ngàn chúng đều còn trẻ tuổi.

Năm Nguyên Hòa thứ mười, Nam Hải Kinh Lược Sư là Mã Tổng dâng sớ xin vua thụy phong cho Lục Tổ Tào Khê. Vua ban sắc thụy phong là Đại Giám Thiền sư đặt tên tháp là Linh Chiếu, Liễu Tông Nguyên soạn lời bia.

Năm thứ mười một, Ấn Phong Thiền sư đến Hoài Hữu, dẫn dò Ngô Nguyên Tế ngăn chặn binh giặc. Quan quân cùng giặc giao tranh nhau chưa phân thắng bại. Sư quăng tích trượng lên không trung, quân hai bên cùng ngược nhìn cho là lạ. Sau đó quan quân thắng nhanh chóng.

Năm thứ mười bốn, tháng giêng, vua ban sắc rước Phật cốt (xá-lợi) ở chùa Phụng Tường Pháp Môn vào cung cấm để kính lễ ba ngày, rồi rước đến mười chùa khắp kinh thành. Đời truyền ba mươi năm mới có một kỳ khai hội, khai hội thì năm đó trúng mùa và dân an vui. Cả Vương Công Sĩ Thứ đều đến chiêm lễ và bố thí. Bá tánh cạo tóc đốt liêu cúng dường. Hình Bộ Thị Lang là Hàn Dũ dâng biểu lên vua tâu rằng: Từ Thượng Cổ không có Phật mà vẫn yên trị, đời Hán Minh Đế Phật pháp đến rồi mà sau vẫn loạn lạc mất nước. Đời Tấn Ngụy trở đi các triều đại càng rút ngắn, đời Lương Võ Đế thờ Phật mà bị Hậu Cảnh làm loạn bắt chết đối ở Đài Thành. Thờ Phật cầu phước mà trở lại thành họa. (Thượng cổ phong tục phúc hậu nên yên trị, đời sau này phong tục bạc bèo nên phải loạn. Chu Khổng lấy nhân nghĩa để mở đường, đạo Phật dùng Chân Đạo mà cứu thế đều cốt thay đổi tục lệ xấu. Vận nước ngắn ngủi là do định mạng không phải là lỗi của Phật pháp. Lương Võ Đế là Thánh nhân bốn quả trụ thế, khi lâm chung còn tu trai giới, kể

viết Sử đương thời không biết được, cho nên ghi lời cuối của vua: “Ác, Ác lắm” mà băng, trở lại đặt điều việc chết đói ở Đài Thành, thật là cay nghiệt! (hàng quân tử đời sau chớ theo lập luận này). Phật vốn dòng mọi rợ, miệng không hề nói pháp ngôn của Tiên Vương, thân không hề mặc Pháp phục của Tiên Vương, không biết nghĩa quân thần và tình phụ tử (Phật là Đại Thánh nhân giáng xuống nước Trung Thiên Trúc. Như chỗ sinh là ở biên giới phía Đông Thiên Trúc thì đâu thể coi Trung Thiên là mọi rợ. Cả một Đại Tạng đây đều là Đạo của Phật trước đâu không phải là Pháp ngôn. Y hoại sắc Ca-sa tiêu biểu cho cách xuất thế đâu không phải là Pháp phục. Hành Pháp của một Pháp Vương nên không được xưng bề tôi với vua, làm người xuất gia nên không thể xưng con với cha mẹ. Song đạo trung hiếu do đó mà báo đáp được ân vua và cha mẹ. Không phải như thế tục hẹp hòi mà sánh được). Huống là thân đã chết rồi, xương khô mục là chất thừa hôi hám đâu nên đem vào cung cấm. Vậy nên giao mở xương này cho nước lửa để dứt hết cội nguồn. Nếu Phật có linh thiêng thì hãy giáng họa phúc, tất cả tai ương xin đổ trên đầu thần.” Khi biểu đưa vào cung thì vua giận dữ chỉ muốn đem giết. Sau nhờ Bùi Độ... khuyên vua biếm làm Thứ Sử Triều Châu (Phật thị hiện có sống chết, nhưng thật chưa từng diệt mất. Giữ lại xá-lợi là để phước cho đời. Còn chỗ thờ là đạo tràng, có hiềm gì cung cấm. Xá-lợi thì dù Kim cương cứng chắc tất cả mọi vật cũng không phá hủy được, huống là nước lửa mà phá được sao. Đạo Phật từ bi dung thứ tuy không xét tội kẻ hủy báng, song thiên thần hộ pháp tự họ có thể trừng phạt. Nay vua giận chỉ muốn giết chết kẻ xúc phạm, rõ ràng là bị quả báo trước mắt. Nhờ các đại thần khuyên vua tha mạng, ấy cũng là do từ lực của Phật cứu cho khỏi chết vậy).

Khi xưa, xá-lợi Phật đưa vào Đại nội thì đem đến phóng ánh sáng. Sáng sớm hôm sau triều thần đều mừng rằng: “Ấy là do Thánh Đức của Bệ Hạ cảm được”. Chỉ riêng Hàn Dũ không nói. Vua hỏi, Dũ thưa: “Vi thần từng thấy kinh Phật, ánh sáng Phật không phải là các màu xanh vàng đỏ trắng... , đây là ánh sáng của các Long Thần hộ vệ”. Vua hỏi: “Vậy ánh sáng của Phật thì như thế nào?” Dũ không đáp được (Tuyệt Đâu Đâu nói rằng: Bệ Hạ ở trên cao lấy lượng trời soi xét. Cổ Đức nói rằng: để cho Dũ biết Phật Quang).

Tháng hai, vua ban sắc cho Hàn lâm học sĩ Trương Trọng Tố soạn lời bia cho Phật cốt (xá-lợi Phật), tóm tắt rằng: “ Ở Kỳ Dương có chùa Pháp Môn, đời Minh Nhạc có tháp A-dục Vương thờ xá-lợi Phật. Vua Thái Tông đặc biệt lập chùa chiền và xây nhiều tháp cao. Vua Cao

Tông dời về Lạc Ấp, Triều Tắc Thiên hiến cúng hộp báu, vua Trung Tông ghi vào Quốc sử, vua Túc Tông rước thờ ở nội điện, vua Đức Tông kính lễ ở Pháp Cung. Căn cứ vào lời truyền xưa cứ ba trăm năm mở Hội một lần thì đuốc ngọc soi gương vàng sáng rõ, hung khí tan mất, lúa thóc bội thu... Ngày hai mươi bốn rước Phật cốt trở về tháp cũ ở Kỳ Dương.

Hàn Dũ đến Triều Châu nghe danh Sư Đại Điền, bèn mời vào Quận hỏi đạo, giữ lại cả mười ngày. Sau nhân đến Hải Thượng, Sư lên núi Linh sơn tạo chỗ ở (Ngài Đại Điền đặc pháp với Thạch Đầu Thiên Sư). Dũ hỏi Sư: “Thế nào là đạo?” Sư nín lặng rất lâu. Dũ không hiểu. Lúc đó có Tam Bình Nghĩa Trung làm Thị Giả gõ xuống thiền sàng ba tiếng. Sư hỏi: “Làm gì thế?” Tam Bình thưa: “Trước là định các loạn động, sau là để phát tuệ” Dũ cả mừng bảo: “Môn phong của Hòa thượng rất cao siêu”. Dũ ở bên Thị Giả được liễu ngộ một phần, một hôm Dũ hỏi Sư: “Xuân thu bao nhiêu”. Sư đưa xâu chuỗi lên lần mấy hạt hỏi: “Hiểu không?” Dũ thưa: “Không hiểu”. Sư nói: “Ngày đêm một trăm lễ tám”. Dũ cũng ngẩn ngơ không hiểu. Sáng hôm sau lại đến trước cửa gặp Thủ Tọa, Dũ vẫn hỏi như trước. Thủ Tọa hỏi: “Thị Lang hiểu như thế nào?” Dũ nói: “Ngày đêm một trăm lễ tám là ý chỉ như thế nào?” Thủ Tọa bập rằng ba lần. Dũ đến Phương Trượng ra trước Sư hỏi: “Ngày đêm một trăm lễ tám là ý chỉ như thế nào?” Sư bập rằng ba lần. Dũ nói: “Tin biết Phật pháp sơ sơ”. Sư nói: “Thấy Đạo lý gì? Dũ nói: “Vừa rồi Thủ Tọa cũng nói như thế”. Sư gọi Thủ Tọa hỏi: “Vừa rồi ông chỉ Phật pháp cho Thị Lang phải không?” Thủ Tọa thưa: “Dạ phải”. Sư đuổi Dũ ra khỏi viện (Bảo Khánh nói: “Thủ Tọa biết trước mà không biết sau”. Sư Đại Điền khiến không làm một mình).

Tháng tám, Dũ được dời về làm Thứ Sử Viên Châu. Ông lại cất lều cỏ, mặc hai áo lót để khác người. Thượng Thư Mạnh Giản biết Dũ giao tiếp với Đại Điền bèn viết thư mừng. Dũ đáp thư khen ngợi Đại Điền thông minh và hiểu sâu đạo lý, chỉ vì xa xôi nên không chuyện vãng được. Bèn từ núi mời sư đến Thành Châu, lưu Sư lại mấy mươi ngày. Thật là người không để ý đến hình hài, không bị sự vật xâm phạm nhiều loạn. Bèn cùng nhau giao tiếp qua lại. Kịp lễ tế thần Hải Thượng thì ông đến tận lều Sư. Khi trở về Viên Châu ông để lại y phục để cáo biệt. Ấy là chỉ vì tình người chứ không phải do kính tin Pháp của Sư mà cầu phước điền lợi ích. Phạm làm thiện làm ác thì tai ương hay phúc đức tùy loại nó đến, sao có Đạo đuổi Thánh nhân, bỏ Tiên Vương mà theo giáo Pháp của mọi rợ để cầu phước lợi ư? Mạnh Giản lại càng khâm

phục bảo: Đó chỉ là sách của Dương Mặc và Lão Tử có lý thiên lệch về hư vô, không phải là Trung Đạo thiết yếu. Phật giáo không phải như thế, biết rõ con đường thiện ác khác nhau, xét việc báo ứng rất vi diệu sáng suốt trong thiên hạ, để mở rộng đạo đức chứ không phải cầu thức ăn đồ cúng thí để nuôi sống vợ con. Làm sao mà Hàn quân lại lấy cái tình của ông già bà cả ở xóm nghèo mà đối đãi. Vả lại Pháp ấy ở đời khiến mọi người sợ ác tu thiện, đâu không phải là một cách giúp sức lớn lao để giáo hóa, phòng chống tội ác ư!...

Đông Pha nói: Xem các văn thư qua lại của Thoái Chi và Mạnh Giản thì biết Thoái Chi rất thích Đại Điền cũng như Văn Xương rất thích ngài Trưng Quán. Nhưng người đời lại chọn nhầm là Thoái Chi viết thư cho Đại Điền lời văn rất quê mùa. Có một học trò đề ở cuối sách rằng: Âu Dương Tu cho đây không phải là văn của Thoái Chi, vì kém hơn nhiều. Lại cho là văn của Vĩnh Thúc. Đời gần đây có lưu truyền Thoái Chi Biệt Truyện thì trách cứ Thoái Chi, lại cho Vĩnh Thúc làm lời Bạt rằng: Giả sử Thoái Chi có sống lại tất cũng không thể tự biện giải được.” Bạn ta là Ngô Nguyên Minh nói rằng: “Từ Quân lúc bình thời thấy Giới Phủ không thích Thoái Chi nên viết bài văn này mà thôi”.

Bàn rằng: Thoái Chi viết cho Đại Điền có ba bức thư vẫn còn giữ ở Bản Tập. Việc Thoái Chi gặp Đại Điền là có thật, thì việc thư từ qua lại cũng không thể không có. Nay viết thư trong một lúc làm sao giữ được từng câu từng lời cho tinh đáo, nếu bảo là “chọn nhầm” thì e là luận quá mức. Còn như lời văn của Biệt Truyện bảo thật là quê mùa thì không thể nào qua mắt được Đông Pha. Phù Ông bảo rằng: Thoái Chi sau khi gặp được Đại Điền thì văn lý hay hơn, nhưng lời bài bác Phật thì cũng nhẹ nhàng hơn.

Hàn Thoái Chi Nguyên Đạo nói rằng: Người xưa bảo: Muốn bày cái đức sáng với thiên hạ thì trước phải trị nước, muốn trị nước thì trước phải tề gia, muốn tề gia thì trước phải tu thân, muốn tu thân thì trước phải chánh tâm, muốn chánh tâm thì trước phải thành ý. Song thời xưa nói về chánh tâm thành ý thì đều có thể đem ra làm. Nay muốn trị tâm mình mà bỏ ngoài thiên hạ quốc gia là dứt mất đạo thường của trời đất. Con sao không coi cha là cha, tôi sao không coi vua là vua, dân sao không thờ cái mình thờ. Nên Khổng Tử đã viết ra Xuân Thu. Chư hầu dùng lễ của Rợ Di thì là Rợ Di, Rợ Di mà tiến vào Trung Quốc thì thành Trung Quốc. Kinh nói: Di Địch có vua không bằng các nước Hạ không có. Kinh Thi nói: Nhung Địch phải đánh khi thua phải trừng. Nay ta đem cái Pháp của Nhung Địch để trên cái giáo của Tiên Vương. Có

bao nhiêu đó mà không biết xét thì là Di. Song như thế thì coi sao được. Nên nói đem Đạo người dạy họ làm người, dạy họ dùng lửa, dạy họ cất nhà để ở mà dẫn dắt họ thì cũng còn được.

Liễu Tông Nguyên tặng Sa-môn Hạo Sơ có lời tựa rằng: Về Nho thì Hàn Thoái Chi và tôi rất thân thiết. Có lần bị bệnh tôi thích lời Phù đồ thì ông chỉ trích là tôi giao du với Phù đồ (Thoái Chi cho là lời nói và giao du là hai thứ mà trách nhau. Về sau Tử Hậu có viết hai tiết để giải thích đều có quan hệ việc đó). Ở gần Lũng Tây có Lý Sinh từ Đông Đô đến. Thoái Chi lại mượn thư mà bắt tội tôi. Như nói: Thấy lời tựa gởi Nguyên Sinh không bài xích Phù đồ (thuật lại việc Thoái Chi trách ông không có ý bài xích Phù đồ). Thật ra Phù đồ có chỗ không thể bài xích (trước nêu câu nói này để làm gốc về lời Phù đồ) thường thường hợp với Dịch Luận Ngữ. Thật đáng mừng thay! Tánh chất tự nhiên không khác chi đạo của Khổng Tử (Kể giải thích lời nói cùng sách Nho hợp với Tiên Thánh không sai khác, đây có hai nghĩa) Thoái Chi thích Nho chưa hơn được Dương Tử. Sách của Dương Tử trình bày Trang Mặc thì Hàn đều nhận biết được cả, còn Phù đồ thì không bằng cái quái tích hiểm tặc của Hàn sao? (trở lại trách Thoái Chi không bằng Dương Tử, mà Dương Tử còn không bài xích cái quái hiểm của Trang Tử, Thoái Chi sao lại bài xích cái rộng lớn của Phù Đồ) nên nói vì nó là Rợ Di vậy (nhắc lời Thoái Chi nói Phật là Rợ Di) quả là do không tin Đạo mà bài xích. Vì Rợ Di thì làm bạn với Ác Lai Đạo Chích mà khinh thường Quý Trát và Do Dư (ở trước đời Tần, Phi Liêm sinh ra Ác Lai cha con đều lấy tiền của sức lực mà thờ vua Trụ nhà Ân. Thất trong Sử Ký. Đạo Chích là tên trộm đời Tấn, thấy ở Trang Tử. Cả hai đều là người Trung Quốc (không phải mọi rợ). Ngô Công Tử đón Lăng Quý Trát hiền thần. Còn Do Dư từ Tây Nhung vào nước Tần. Cả hai đều xuất thân từ Man Nhung) không phải cái gọi là bỏ danh mà cầu thật sao? (trách Thoái Chi quả nếu xem Pháp đó là mọi rợ thì Danh hay Thật đều lỗi). Còn cái ta nhận lấy đó thì cùng hợp với Dịch Luận Ngữ. Dù Thánh nhân có sống lại thì cũng không thể bài bác được vậy (nhắc lại là lời nói của Phù đồ cùng với sách Nho hợp nhau không nên bài xích). Cái mà Thoái Chi cho là xấu là căn cứ vào Tích (nói câu này là trách Thoái Chi chỉ xem Tích mà không biết tâm) nói rằng cạo bỏ râu tóc mặc nâu sòng không có vợ chồng cha con, không biết cày cấy nuôi tằm để nuôi sống người ư? (lấy từ ý Thoái Chi chỉ thấy về tích là muốn lấy việc tục của thế gian mà cốt trách người học xuất thế). Nếu thế thì chính ta cũng không vui. (Tạm đồng cái thấy và cái tích của Thoái Chi). Thoái Chi giận bên ngoài mà

trái trên trong, là biết đá mà không biết ngọc ẩn trong đá (chính thức trách Thoái Chi về thấy bề ngoài mà không biết tâm bên trong. Phạm là Sa-môn thì bỏ đi cái vui phù thế cho nên cạo đầu nhuộm áo, tu tập phạm hạnh nên không có liên lụy vợ chồng. Đến như xuất gia học đạo là để cứu độ Thần minh của cha mẹ để được sinh về Thiên Cung hay Tịnh Độ. Đó là sự báo ân cao tốt nhất. Không phải đồng với kẻ tục sống thì thờ kính, chết thì chôn và cúng kiến mà thôi. Vả chẳng người xuất gia thân ở trong Tam bảo được đời tôn kính, há lại trách là không biết cày ruộng, dệt vải. Không có người quê thì không ai nuôi quân tử, xin mượn nghĩa này. Thoái Chi không biết được tâm người xuất gia học đạo, là không biết được ngọc trong đá vậy). Ta sở dĩ thích lời Phù đồ nhờ đó (câu này là giải thích dữ phù đồ môn) giao du với các vị ấy (nói câu này để làm cơ bản cho tiếng dữ phù đồ du) bất tất phải thông suốt Đạo ấy (Nho thế tục không mong hiểu hết diệu ý của Phù đồ). Vả lại phạm người tu Đạo này thì không ham quan chức, không thích tranh tài, chỉ ưa sơn thủy, thích an nhàn (chỉ biết thích cái thanh nhàn thì đã khác kẻ tục rồi). Ta bị bệnh mãi theo đuổi cuộc đời chỉ vì ân tín dây thào nó trói buộc (chính nói kẻ tục luôn nghĩ đến danh lợi) thì bỏ phức nó đi còn đeo mang làm gì (không mền mộ Phù đồ thì còn mền mộ cái gì). Ta thích giao du cùng Phù đồ là vì thế (câu này giải thích nghĩa giao du với Phù đồ). Nay Hạo Sơ tánh nhàn tình an mà đọc sách ấy (nói chung về sách Phật) tất sẽ thông về Dịch Luận Ngữ (gần hợp với sách Nho). Dù thích sơn thủy nhưng có văn thì làm văn (tuy ở chỗ u nhàn vẫn vì đời mà lập ngôn). Lại cha con là đạo nuôi nhau, nay ở phiêu bạt thì không cần nữa (tin vào chỗ học có Pháp để nương tựa) thật là hiền hơn vì Trong Mặc mà trình bày lời của Hàn Dũ (Đây là Tử Hậu nói với Hàn Dũ) mãi đeo đuổi, ân tín dây thào nó ràng buộc thì cũng không bì kịp được (đây là Tử Hậu nói về giao du).

Bàn rằng: Thoái Chi không biết Phật do đó mà bài xích Phật. Các sĩ phu đời sau thấy Hàn Nguyên Đạo đáp thư Mạnh Giản thì cho rằng người chống cự Dương Mặc còn hẹp hòi hơn Dương Mặc. Còn đạo Phật rộng lớn có thể bao trùm cả Cửu Lưu ở thế gian, chưa có một pháp nào ở ngoài đạo Phật, há nên lấy Dương Mặc mà so sánh ư? Có người hỏi: Ông Liễu Tông Nguyên bảo lời của Phù đồ hợp nhau với Dịch Luận Ngữ. Dịch Ngữ là giáo pháp thế gian đâu đủ hiểu được đạo Phật tốt cùng. Nói rằng Hạo Sơ lấy lời của Nho Sinh Tử Hậu chưa phải là lời thâm diệu. Cho nên dùng yếu nghĩa của Dịch Luận Ngữ so sánh để cho dễ hiểu mà thôi. Liễu Tông Nguyên đã có chỗ phát ngộ nên lại

muốn lấy việc này để cảnh cáo Thoái Chi là không bằng, nếu không đem Dịch Luận Ngữ mà nói ra thì nhà Nho chưa dễ lãnh hội. Song Tử Hậu từ đây đâu thể dễ vào Tông này. Cho nên trong bài thơ tiễn đưa, Liễu Tông Nguyên nêu trong lời tựa rằng: “Đạo Phật rộng lớn lại nhiều bao dung.” Vô Tánh Bi lại nói rằng: Nói tiếp bản thống để thuận với Trung Đạo”. Bài tựa tiễn đưa Sư Trọng Tuyển lại nói: “Ta từ bé học Phật tìm cầu đạo này suốt ba mươi năm ta riêng có chỗ được.” Đây chưa thể lấy Dịch Luận Ngữ mà suy lường được. Chao ôi, việc Thoái Chi bài bác Phật, nếu không phải Liễu Tông Nguyên thì khó thể chê trách ông được. Nay lấy Tựa Hạo Sơ mà nêu chương cú để giải thích, thì chỉ có Liễu Tông Nguyên mới rộng nói ra được.

Hàn Dũ vì bài Phật mà bị biếm ra Triều Châu, có người con gái thứ tư tên Noa mới mười hai tuổi bị chết dọc đường, bèn chôn dưới núi Thương Nam. Sau này khi ông làm quan ở Kinh Triệu, bèn đem hài cốt con về phần mộ họ Hàn ở Hà Dương. Khi chôn lại có làm bài văn rằng: Khi Dũ làm quan Thiếu Thu có nói Rợ Phật tinh quái nêu pháp loạn trị, Lương Võ Đế thờ Phật rốt cuộc bị Hưu Cảnh giết. Vậy nên quét đi một nhát đừng để nó tràn lan. Thiên tử cho là lời nói bất tường bèn dày ra đất Yết Dương ở Nam Hải.

Bàn rằng: Thoái Chi khinh Phật là Rợ, chuyên trách Lương Võ Đế thờ Phật mà gặp họa để cảnh tỉnh vua lúc đó, nhưng cuối cùng Thoái Chi lại bị đáp lại cái họa biếm trục sao nhanh chóng thế! Lương Võ Đế chính là bậc Ứng Chân thị hiện làm vua, cùng hành hóa với Chí Công Đại Sĩ hàng Nho Sĩ đâu thể lường biết được!

Hàn Dũ đọc sách Mặc Tử bảo rằng: Mặc Nho thì đồng với Nghiêu Thuấn mà không đồng với Kiệt Trụ, đồng việc tu thân chính tâm để trị quốc bình thiên hạ, đâu không nói như thế được ư? Tôi lấy đó mà luận thì thấy những kẻ hậu học đều theo thuyết của thầy mình, không phải là Đạo thờ hai thầy thì không đúng vậy. Khổng Tử ắt dùng Mặc Tử mà Mặc Tử cũng phải dùng Khổng Tử, nếu không dùng lẫn nhau thì không phải là Khổng Mặc.

Để ếm nhem Lục Tổ, Thần Tú Thiên sư làm Âu Dương Ngoại Truyện ghi rằng: Tổ Ấn cùng Vĩnh Thúc luận đạo, nhân đó chép ra Cổ Nhân Phi Hàn, tóm tắt nêu ra Vương Kinh Công, Tô Đông Pha, Long Tiên Sinh và Tung Minh Giáo. Kinh Công nói: Có người ưa cái thuyết chống Dương Mặc của Mạnh Tử lấy đó làm công cụ để bài xích Phật Lão. Than ôi, Trang Tử gọi loài trùng mùa hạ chính là bọn này, Đạo là năm Thánh nhân là thời. Nay chấp một thời mà nghi cả năm thì là

người không biết Đạo vậy. Tô Đông Pha nói: Thoái Chi đối với Đạo của Thánh nhân đó, cũng biết mà chỉ vì ưa cái danh mà không ưa cái thực thì làm sao luận được việc xa được. Ông càng trọng Khổng Tử, Mạnh Tử mà lại đá kích dữ dội Phật Lão và Mặc Dương. Việc dụng công này cũng không thể bảo là không có kết quả. Nhưng luận lý không chuyên tinh, chi li mơ hồ thường thường tự mâu thuẫn với điều mình nói mà không biết... Long Tiên Sinh ở Tây Thục làm bộ Phi Hàn một trăm thiên, tóm tắt rằng: Manh Giao mất đứa con thứ ba, Thoái Chi gởi cho bài thơ đại ý rằng:

*Mất con đâu gì quá!
Ta sắp mất trời cao
Ông là vua hạ giới
Cướp một đâu lệch nào
Với ông nó đâu có
Chỉ khiến thêm phiền hà
Riêng đây nào có lỗi
Sống chết chỉ mấy ngày.*

Cả ba trăm bài Thi chỉ chọn bài làm tiêu biểu, một bài thật quá bất nhân. Ông có đáp từ mà không giận. Bởi kẻ dám khinh nhờn trời cao tất việc chê bai dữ dội Phật Lão là dễ thấy. Nay chép ra khoảng mười điều có nói rằng: Phật Lão là Thánh nhân mà chê là mọi rợ (Nguyên Đạo). Khổng Mặc khác Đạo, nay bảo là đồng Tông, phản bội Mạnh Tử làm điểm nhục Khổng Tử (đọc Mặc Tử), Đạo vốn đồng mà Giáo thường khác. Kinh của Nho giáo thuộc thế gian, còn kinh giáo của Phật Lão là xuất thế. Thoái Chi lấy thế tục mà dẹp bỏ xuất thế nên chưa đủ biết về Đạo (Nguyên Đạo) Tánh vốn là một. Nay nói ba phẩm năm tánh thì chưa đủ để biết về Tánh (Nguyên Tánh). Người là cao quý, nay lấy mọi rợ cầm thú coi đồng với người ư? (nguyên nhân). Các triều trước đón rước xá-lợi Phật mà có phúc họa xa gần (dâng biểu can vua) mong muốn dời đổi ánh nắng mặt trời mà khuyên vua dẹp bỏ Phật pháp, khác nào dâng lời dèm xiểm để làm vừa ý vua (dâng biểu mừng Tôn Hiệu), sợ cái họa sửa Sử mà mạnh mẽ bài bác Phật (đáp thư Lưu Tú Tài). Vì thuyết Bác tạp mà thích làm Bác Tắc (Bác Tạp như Mao Dĩnh Truyền cùng loại văn Dật Cùng. Bác Tắc thì thấy trong thư Trương Tịch). Tung Minh Giáo Phi Hàn gồm ba mươi thiên, nói rằng: Cự Đương Sử cho là Hàn Tử có tánh thiên lệch hẹp hòi chuyên nói xấu Đạo mà không chịu tìm đọc kỹ các sách, nhìn việc làm của ông thật đúng là như thế. Muốn hàn như người xưa mà theo Trung Đạo chắc chắn là không kịp nữa rồi.

Phải vậy thôi! Kẻ thức giả bảo Hàn là người văn từ thi cử. Phàm văn là để truyền đạo, nếu Đạo không cao thì văn cho lắm cũng vô dụng. Kẻ học không biết suy xét bất chước vô ích loại văn ấy chỉ dùng để chê bai Thánh nhân của hai giáo mà thôi. Cho nên viết thư này để biện biệt hầu sửa cho đúng những bợn ưa chê bai trong thiên hạ (v.v... ngoài ra lời công kích cũng đại để như của Long Tiên Sinh). Tô Đông Pha nói: Xưa có nhiều người luận về Tánh nhưng chưa nhất định theo một thuyết nào. Đầu tiên thì Mạnh Tử cho Tánh là Thiện, Tuân Tử thì cho là Ác, Dương Tử thì bảo là Thiện Ác lẫn lộn. Còn Hàn Dũ thì lấy cả thuyết của ba ông trên mà bắt bẻ, ông lấy luận của Khổng Tử tách lia cái Tánh ra cho là có ba bậc, người ở giữa có thể lên cao hay xuống thấp, mà bậc thượng trí với kẻ hạ ngu thì không dời đổi. Cho là ba ông kia cũng từ bậc giữa mà có thượng hạ. Than ôi! Đó là chưa biết cái gọi là Tánh, mà lại lấy cái Tài để nói. Phàm Tánh và Tài gần nhau mà không đồng nhau. Thánh nhân có tánh riêng, Tiểu nhân thì có Tánh chung mà không trốn bỏ được. Đó mới thật gọi là Tánh. Nhưng vì do Tài nên chắc chắn có chỗ không đồng. Thiên hạ nói Tánh thường lẫn lộn với Tài. Đó là lấy cái hỗn tạp chung mà không có được cái riêng biệt. Khổng Tử bảo: Người là bậc trung có thể lên cao hay xuống thấp mà bậc thượng trí và kẻ hạ ngu thì không dời đổi, là luận về Tài vậy. Đến như nói về Tánh thì chưa từng nói hẳn là Thiện hay Ác, chỉ nói “Tánh tương cận, tập tương viễn” mà thôi. Còn nói về Hàn Dũ thì quá rõ ràng. Ông tách Tánh ra cho là Tinh, mà hợp lại với Tài thì cho là Tánh, nên luận của ông rất lại là không thông.

Giả Đảo thuở xưa làm vị Tăng tên Vô Bản, ông đến Đông Đô vào lúc cấm Tăng sau giờ ngọ không được ra khỏi chùa, ông làm thi tự than thờ. Hàn Dũ nhân đó dạy ông làm văn, bèn bỏ Tăng mà thi Tiến Sĩ. Có ông Lý Động ngưỡng mộ thơ của Đảo, đúc tượng ông mà thờ, có lần gọi là Phật Giả Đảo.